TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2026/DS-ST
Ngày 24 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Hoàng Quốc Hương.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Như H, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 08/2025/GUQ-PGDBB ngày 31/12/2025. Có đơn xin xét xử mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trương Ngọc P, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/8/2024, ông Trương Ngọc P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) giấy Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, số hợp đồng 3405329, số thẻ 436438-4291 (bao gồm Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng-các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông Trương Ngọc P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ông Trương Ngọc P đã sử dụng thẻ, phát sinh nghĩa vụ trả nợ và dư nợ hiện tại đến ngày 24/3/2026 là 152.135.930 đồng. Trong đó, nợ gốc là 114.807.223 đồng, lãi quá hạn 37.328.707 đồng, chi tiết lãi được thể hiện tại Sao kê chi tiết thẻ tín dụng của khách hàng Trương Ngọc P ngày 24/3/2026: Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 04/7/2025 (90 ngày): Áp dụng lãi suất trong hạn 29,8%/năm; từ ngày 05/7/2025 đến ngày 24/3/2026 (262 ngày), áp dụng lãi suất quá hạn 0,1241%/ngày (150% lãi suất trong hạn).

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Trương Ngọc P phải trả cho Ngân hàng số tiền 152.135.930 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 24/3/2026) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2026 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Theo bản tự khai ngày 16/12/2025 và ý kiến ghi trong biên bản tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Trương Ngọc P trình bày:

Ông có ký hợp đồng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với hạn mức tài khoản 100.000.000 đồng. Ông là người ký hợp đồng thẻ tín dụng với ngân hàng, ngân hàng có giao thẻ cho ông, ông đã kích hoạt thẻ nhưng sau đó em gái ông đã lấy thẻ của ông để sử dụng, ông sẽ nói chuyện với em gái ông và yêu cầu em gái ông thanh toán tiền vốn, lãi cho Ngân hàng. Hiện tại, ông P chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng, khi nào ông có tiền ông sẽ trả nợ cho Ngân hàng, kính mong Tòa án xem xét cho ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Ông Trương Ngọc P đã ký Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, số hợp đồng 3405329, số thẻ 436438-4291 (bao gồm Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng-các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) hoàn toàn tự nguyện, minh bạch và có cả chữ ký của hai bên, thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Ông P sử dụng thẻ, phát sinh nghĩa vụ trả nợ nhưng vi phạm nghĩa vụ. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/3/2026 là 152.135.930 đồng. Trong đó, gốc là 114.807.223 đồng, lãi quá hạn 37.328.707 đồng. Chi tiết lãi, căn cứ theo Sao kê chi tiết thẻ tín dụng của khách hàng Trương Ngọc P ngày 24/3/2026. Ngoài ra, ông P còn phải thanh toán lãi tính từ ngày 25/3/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 429, Điều 463 và khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự , đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 24/3/2026 là 152.135.930 đồng; trong đó, nợ gốc là 114.807.223 đồng, nợ lãi quá hạn 37.328.307 đồng. Căn cứ Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, số hợp đồng 3405329, số thẻ 436438-4291 (bao gồm Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng-các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 06/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Trương Ngọc P, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh giao dịch dân sự. Bị đơn được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 29.8%/năm. Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng, Ngân hàng đã giao thẻ cho bị đơn, bị đơn đã kích hoạt thẻ nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Bị đơn trình bày do điều kiện khó khăn, chưa thanh toán được cho ngân hàng và khi nào có tiền sẽ trả nợ cho ngân hàng. Việc bị đơn cho em gái bị đơn mượn thẻ tín dụng và sử dụng thẻ nếu bị đơn phát sinh tranh chấp với em gái sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có đơn theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/7/2025, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23, 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 24/3/2026, tổng số tiền bị đơn còn nợ ngân hàng là 152.135.930 đồng, trong đó, gốc là 114.807.223 đồng, lãi quá hạn 37.328.707 đồng, lãi suất được áp dụng như sau: Từ ngày 05/9/2024 đến ngày 04/7/2025 (90 ngày): Áp dụng lãi suất trong hạn 29,8%/năm; từ ngày 05/7/2025 đến ngày 24/3/2026 9262 ngày), áp dụng lãi suất quá hạn 0,1241%/ngày (150% lãi suất trong hạn). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 24/3/2026 là 152.135.930 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 25/3/2026 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

[4] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, 352, 353, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Trương Ngọc P về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Trương Ngọc P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 152.135.930 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 114.807.223 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm lẻ bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 37.328.707 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 25/3/2026 theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, số hợp đồng 3405329, số thẻ 436438-4291 ngày 06/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Trương Ngọc P cho đến khi ông Trương Ngọc P trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Ngọc P phải nộp số tiền 7.606.797 đồng (Bảy triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.930.733 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0028872 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Chang